TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 09/2024/DS-ST
Ngày 19-3-2024
Về: "Tranh chấp chia tài sản chung và di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Di
2. Ông Phạm Hồng Sơn

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Quốc Tín, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà***: Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2023/TLST – DS ngày 06 tháng 3 năm 2023, về "*Tranh chấp di sản thừa kế*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/QĐXX – ST ngày 05-02-2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 07A/QĐH ngày 26-02-2024 giữa các bên:

+ *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1963; địa chỉ: Tổ A Ô, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Phạm hoàng G, sinh năm 1991; địa chỉ: Số C đường C, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, là đại diện theo ủy quyền giấy ủy quyền ngày 15-3-2023. Có mặt.

+ *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1936; địa chỉ: Tổ G, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1983; địa chỉ: Tổ A Ô, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ G, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm: 1992; địa chỉ: Tổ A Ô, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1996; địa chỉ: Tổ A Ô, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1968; địa chỉ: Tổ I, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

6. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm: 1970; địa chỉ: Tổ G, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

7. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1972; địa chỉ: Tổ G, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

8. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1975; địa chỉ: Tổ G, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

9. Bà Nguyễn Thị Kim H3, sinh năm: 1979; địa chỉ: Tổ G, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 22-02-2023; đơn đề nghị bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 17-8-2023 và quá trình tố tụng tại Tòa bà Lê Thị H, *ông* Phạm Hoàng G1*(đại diện của bà* H*) đều trình bày:*

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T3 là vợ chồng, năm 2014 chúng tôi mua lô đất thửa số 97, tờ bản đồ số 125 diện tích 177,2m^2 tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 739769 do UBND huyện L cấp ngày 06-3-2007, chỉnh lý biến động sang tên người mua ngày 14-11-2014, trên đất có 01 ngôi nhà thuộc địa chỉ: Tổ B, Ô khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thời điểm mua đất trên đã có hiện trạng căn nhà trên đất, các con của bà H ông T3 không có công sức đóng góp gì vào việc tạo lập căn nhà trên đất. Đến ngày 18-8-2017, thì ông Nguyễn Văn T3 chết, trích lục khai tử số 134 ngày 18-8-2017.

Cha ông T3 là Nguyễn Văn Đ (chết sau ông T3) chết ngày 28-7-2019. Mẹ ông T3 bà Nguyễn Thị P. Các con ông T3 là ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thanh T1 và Nguyễn Văn T2.

Ông Nguyễn Văn Đ bà Nguyễn Thị P có 5 người con bao gồm ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị Kim H3.

Bà H3 liên hệ nhiều lần để ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, nhưng bà P và các con bà P không đồng ý, do không thực hiện được thủ tục phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại Tòa bà H3, ông G1 yêu cầu:

- Phân chia tài sản chung của vợ chồng, là nhà tại địa chỉ: Tổ B, Ô khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhà cất trên thửa đất số 97, tờ bản đồ 125 diện tích 177,2m^2, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 739769 do UBND huyện L ngày 06-3-2007 đứng tên bà Phan Thị Mỹ L, chỉnh lý biến động sang tên người mua (ông Nguyễn Văn T3 bà Lê Thị H) ngày 14-11-2014 theo hồ sơ số 003412.CN/.

- Chia thừa kế theo quy định của pháp luật, là di sản mà ông Nguyễn Văn T3 chết để lại 50% giá trị tài sản là nhà, đất nêu trên cho các đồng thừa kế khác. Bà H yêu cầu được nhận nhà, đất và hoàn giá trị cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P *và các con bà* P-*ông* Đ*(Ông* Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H1, *bà* Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Kim H3, *xác nhận*: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan(các con của bà H4 *ông* T3*: Ông* Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T, *bà* Nguyễn Thị Bích N *và* Nguyễn Thị Thanh T1 *trình bày:*

Chúng tôi là con của bà Lê Thị H ông Nguyễn Văn T3, lúc sinh thời ông T3 cùng bà H có mua thửa đất số 97, tờ bản đồ 125 diện tích 177,2m^2 tọa lạc tại thị trấn L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 739769 cấp ngày 06-3-2007 đứng tên bà H ông T3. Trên thửa đất số 97 có căn nhà do cha mẹ chúng tôi mua theo đất, quá trình sinh sống chúng tôi không bỏ ra khoản tiền nào để xây dựng hay sửa chữa đối với căn nhà mang số: Tổ 29/32, Ô3 khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 18-8-2017, thì cha chết không để lại di chúc. Qua yêu cầu của mẹ (bà H) chúng tôi chúng tôi đồng ý và không có ý kiến khác cũng như không có khiếu nại hay thắc mắc gì. Kỷ phần thừa kế của chúng tôi được nhận chúng tôi tặng hết cho mẹ bà Lê Thị H. Chúng tôi cam kết việc tặng cho không nhằm tẩu tán tài sản hay trốn tránh nghĩa vụ gì đối với người khác.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và đương sự (bà H và các con bà N1) tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn (bà P) và các con của bà P không tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự (Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan-ông T2, ông T, bà N và bà T1) tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan-ông S1, ông S, ông H1, bà H2, bà H vắng mặt lần 2 đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Phân tích nội dung ý kiến có gửi bài phát biểu kèm theo trong hồ sơ. Từ các phân tích trên đề nghị tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chia tài sản chung của ông T3 bà H là nhà và đất thửa 97 tờ bản đồ 125 tọa lạc tại thị trấn L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 739769 do UBND huyện L ngày 06-3-2007 đứng tên bà Phan Thị Mỹ L, chỉnh lý biến động sang tên người mua (ông Nguyễn Văn T3 bà Lê Thị H) ngày 14-11-2014 theo hồ sơ số 003412.CN/. Bà H được hưởng ½ giá trị nhà đất và giao nhà đất cho bà H sở hữu, sử dụng đồng thời chia thừa kế 50% giá trị của nhà đất nêu trên cho các ông bà P, S, S1, H1, H2 và H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị H yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là nhà đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Xác định quan hệ tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối tượng tranh chấp là đất đai(bất động sản)tại huyện L, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Các ông (bà) Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Bích N và Nguyễn Thị Thanh T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

+ Các ông (bà) Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị Kim H3 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

+ Tại biên bản xác minh ngày 17-8-2023, ông Nguyễn Văn T4 khu phố T cho biết: Bà Nguyễn Thị P ông Nguyễn Văn Đ có tất cả 08 người con: Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Thanh T6 và Nguyễn Thị Kim H3.

Theo Công văn số: 1955/UBND-TP ngày 15-12-2023 của UBND thị trấn L, về cung cấp tài liệu, chứng từ thì: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1936, đã chết ngày 28-7-2019 theo trích lục khai tử số 128 do UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12-8-2019. Con của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P: Hồ sơ hộ tịch của địa phương được lưu trữ từ năm 1978 đến nay, qua tra cứu, dữ liệu còn lưu trữ thì ông Đ và P có con là Nguyễn Văn S, sinh ngày 01-01-1968 và Nguyễn Văn H1, sinh ngày 21-6-1973.

Ngày 29-8-2023, Tòa án nhân dân huyện Long Điền ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại mơi cư trú đối với ông Nguyễn Văn T5 và bà Nguyễn Thị Thanh T6, nhưng quá thời hạn 4 tháng không có tin tức gì của bà T6 và ông T5.

Tại phiên tòa, theo xác nhận của bà H3 thì bà P ông Đ có tất cả 6 người con bao gồm: Ông Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị Kim H3. Như vậy, xác định con của bà P ông Đ là 6 người.

[2] Về nội dung: Tại đơn khởi kiện ngày 22-02-2023 và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 17-8-2023, bà H3 yêu cầu chia tài sản chung của bà với ông T3 là 50% giá trí tài sản và 50% giá trị còn lại thì chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà P vắng mặt không xác định được yêu cầu dẫn đến tranh chấp tại Tòa hôm nay.

[.] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về nguồn gốc đất:

Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125 tọa lạc tại thị trấn L, huyện L của ông Đỗ Tấn L1 và bà Đặng Ngọc M được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 739769 ngày 06-3-2007. Ngày 19-3-2007, ông L1 bà M chuyển nhượng nguyên thửa cho bà Phan Thị Mỹ L. Đến ngày 26-8-2014, bà L chuyển

nhượng nguyên thửa cho bà H3 và ông T3, chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Văn T3 bà Lê Thị H ngày 14-11-2014 theo hồ sơ số 003412.CN/.

- Về yêu cầu chia tài sản chung: Bà H với ông T3 sống chung từ năm 1981, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Bà H và ông T3 có với nhau 04 người con chung là: Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1984; Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn T2, sinh năm 1996. Theo xác nhận của bà H và các con (ông T, N, T1, T2) thì nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: Tổ B, Ô khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, từ lúc mua đến nay không có sửa chữa hay xây dựng mới. Căn cứ Điều 59 và 66 Luật Hôn nhân và gia đình thì giá trị nhà đất nêu trên bà H và ông T3 mỗi người được 50%.

Theo biên bản định giá ngày 17-8-2023 thì giá trị nhà đất:

+ Đất: 7.500.000đ x 177,2m^2 = 1.329.000.000đồng

+ Nhà: tổng giá trị 370.818.462 đồng

Tổng cộng giá trị nhà và đất là: 1.699.818.462 đồng, thì ông T3 được chia 849.909.231 đồng và yêu cầu chia tài sản chung của bà H được chấp nhận.

- Về yêu cầu chia di sản của ông T3 theo quy định của pháp luật tương đương 849.909.231 đồng nhà tại địa chỉ Tổ B, Ô3 khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đất thuộc thửa 97, tờ bản đồ 125 tọa lạc tại thị trấn L nhận thấy: Ngày 18-8-2017, di sản của ông T3 để lại 849.909.231 đồng, ông T3 chết không để lại di chúc nên di sản của ông T3 được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của ông T3 gồm cha, mẹ, vợ, con của ông T3 là các ông, bà: Đầu, P, H, T, N, T1, T2. Phần di sản ông T3 để lại 849.909.231 đồng : 7 = 121.415.604 đồng/phần. Ông Đ chết năm 2019 nên vợ con ông Đ (căn cứ phân tích trên) được hưởng phần của ông Đ. Các con của bà H ông T3 là các ông bà: T, N, T1 và T2 đồng ý nhận di sản, sau khi nhận cho lại mẹ là bà H nên chấp nhận.

Như vậy, bà H được nhận 970.324.835 đồng, bà P được nhận 121.415.604 đồng, vợ con ông Đ là các ông bà: P, S1, S, H1, H2, H được nhận 121.415.604 đồng. Như phân tích trên thì bà H nhận phần đa (phần nhiều), đảm bảo điều kiện quản lý và sử dụng tài sản nhà đất, trên thực tế bà H cũng là người đang quản lý, sử dụng nhà đất tranh chấp nêu trên. Do đó giao tài sản cho bà H sử hữu sử dụng và bà H có trách nhiệm thanh toán giá trị được hưởng cho bà P và hàng thừa kế ông Đ.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay bà P và các con bà P ông Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không đến Tòa làm việc nên không có lời khai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Bộ luật dân sự thì trong trường hợp muốn được hưởng 01 kỷ phần di sản thừa kế mà lẽ ra bà P, ông S1, S, H1, H2 và H của ông T3 và ông Đ thì phải có đơn yêu cầu độc lập, đóng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm để Tòa án xem xét nhưng do không đến Tòa án làm việc nên các ông, bà: Phát, ông S1, S, H1, H2 và H không thực hiện nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật và tạm giao cho bà H quản lý phần bà P được nhận 121.415.604 đồng, vợ con ông Đ là các ông bà: P, S1, S, H1, H2, H được nhận 121.415.604 đồng. Nếu các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Chi phí đăng tin báo, đài: Bà H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

- Chi phí tố tụng: định giá, sao lục, đo vẽ: Bà H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

- Án phí DSST: Miễn cho bà Lê Thị H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; 39; khoản 3 Điều 228; Điều 91, 92; Điều 95 và khoản 2 Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 59 và Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 611, Điều 612 và Điều 613 Bộ luật dân sự.

- Điểm đ Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với bà Nguyễn Thị P, về việc "Tranh chấp chia tài sản chung và di sản thừa kế".

Bà Lê Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 177,2m^2 đất thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 125 tọa lạc tại thị trấn L, huyện L và được sở hữu căn nhà có diện tích 130,3m^2 cùng các tài sản khác tọa lạc trên lô đất nói trên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 739769 do UBND huyện L ngày 06-3-2007 đứng tên bà Phan Thị Mỹ L, chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Văn T3 bà Lê Thị H ngày 14-11-2014 theo hồ sơ số 003412.CN/. (Nhà, đất theo sơ đồ vị trí do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B lập ngày 24-8-2023 kèm theo bản án).

Bà Lê Thị H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Chi phí phát sinh bà H phải chịu.

Giao cho bà Lê Thị H quản lý phần di sản thừa kế mà bà P được nhận 121.415.604 đồng, vợ con ông Đ là các ông bà: P, S1, S, H1, H2, H được nhận 121.415.604 đồng.

- Chi phí tố tụng: Bà Lê Thị H tự chịu và đã nộp xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn cho bà Lê Thị H.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh BRVT
- Viện kiểm sát huyện Long Điền, tỉnh BRVT
-Chi cục thi hành án huyện Long Điền
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện Long Điền
- UBND TT Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh BRVT
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc